

THÁNH TỔ TỪ ĐẠO HẠNH TRONG BỐI CẢNH PHẬT GIÁO TRIỀU LÝ XỨ ĐOÀI

NGUYỄN HỮU SƠN^(*)

1. Nhìn nhận ở tư cách một vị thiên sư, một đơn vị tác gia văn học, một danh nhân văn hóa - lịch sử, tên tuổi Từ Đạo Hạnh (?-1117) - quê sinh ở hương Yên Lãng, tục gọi làng Lãng, nay thuộc phường Lãng Thượng, quận Đống Đa (Hà Nội) - đã được sử sách ghi lại từ rất sớm. Đơn cử một số nguồn tài liệu chính:

- Nhà sư Từ Đạo Hạnh, phần *Phương ngoại*, mục *Nhân vật*, sách *An Nam chí lược* (Quyển 15) của Lê Trắc, biên soạn vào năm 1333⁽¹⁾.

- Mục *Thiên sư Đạo Hạnh*, sách *Thiên Uyển tập anh*, biên soạn khoảng thế kỉ XII-XIV⁽²⁾.

- Mục *Từ Lộ (Đạo Hạnh)* trong sách *Thơ văn Lý-Trần*⁽³⁾.

- Mục *Từ Lộ (Từ Đạo Hạnh)* trong sách *Từ điển văn học (Bộ mới)*⁽⁴⁾...

Vấn đề đặt ra ở đây là từ một con người xác thực, về cơ bản có hành trạng tiểu sử rõ ràng, thế rồi Từ Đạo Hạnh đã chuyển hóa dần thành nhân vật thần linh, truyền thuyết, nhân vật của truyện cổ tích như thế nào? Trong suốt gần 9 thế kỉ kể từ khi Từ Đạo Hạnh qua đời cho đến nay, hình ảnh về ông đã được nhận thức và thể hiện ra sao trong các nguồn thư tịch cổ và trong tâm thức dân gian? Và thêm nữa, cần xác định vị trí Thánh tổ Từ Đạo Hạnh trong bối cảnh Phật giáo triều Lý Xứ Đoài?

2. Điểm cần xác định trước hết là phải lựa chọn lấy một văn bản gốc, có ý nghĩa căn cốt, khả dĩ thể hiện gần đúng nhất tiểu sử con người thực Từ Đạo Hạnh. Rồi từ trên cơ sở một cốt truyện bất biến ấy sẽ liên hệ, so sánh, chỉ ra những phương diện khả biến, những tình tiết và nội dung huyền ảo được trầm tích qua thời gian, khiến nó chuyển hóa thành truyện cổ tích khác xa với cốt lõi ban đầu.

Hướng tới mục đích trên, chúng tôi lựa chọn tiểu truyện *Thiên sư Từ Đạo Hạnh* trong sách *Thiên Uyển tập anh* làm văn bản gốc, bản trực. Sách cho biết sư Từ Đạo Hạnh thuộc thế hệ thứ 12 dòng thiên Tì Ni Đa Lưu Chi. Điều đáng chú ý ở đây là phần nguyên chú lại chép thêm sự kiện người con Sùng Hiền Hầu được lập làm vua Thần Tông theo đúng chính

*. PGS. TS., Viện Văn học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

1. Lê Trắc. *An Nam chí lược* (Phan Duy Tiếp dịch, chú). Bản in Rônêo, Phòng Tư liệu Khoa Văn học, Trường Đại học KHXH và NV thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 191.

2. *Thiên Uyển tập anh*. Lê triều Vĩnh Thịnh thập nhất niên (1715) tứ nguyệt trùng san. Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, A.3144, 142 trang.

- *Thiên Uyển tập anh* (Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thúy Nga dịch, chú, giới thiệu). Phân viện Nghiên cứu Phật học và Nxb. Văn học, H., 1990, tr. 197-203.

3. Nguyễn Huệ Chi (chủ biên). *Thơ văn Lý - Trần*, tập 1, Nxb. KHXH, H., 1977, tr. 343-348.

4. Nguyễn Huệ Chi. *Từ Lộ*, trong sách *Từ điển văn học (Bộ mới)*, Nxb. Thế giới, H., 2004, tr. 1897-1898.

sử *Đại Việt sử ký toàn thư* - riêng câu kết lại để ngỏ cho hướng tư duy hư ảo: “Tương truyền Thần Tông là hậu thân của sư, còn Giác Hoàng là sư Đại Điền”⁽⁶⁾, mở đường cho trí tưởng tượng dân gian có đất phát triển.

Ở đây cũng cần chú ý tới cả một hệ thống chứng tích còn lưu giữ lại ở Chùa Láng (Chiêu Thiên tự), nơi đình tổ thờ Từ Đạo Hạnh và vua Lý Thần Tông (1128-1138), và khu Chùa Thầy, nơi được coi là địa điểm sư Đạo Hạnh qua đời⁽⁶⁾. Đó còn là cả phức thể lễ hội, hội chùa, trò diễn sự tích; là 12 đạo sắc phong của các triều vua Lê, Tây Sơn, Nguyễn; là các sách điển *Nôm Sự tích thánh đế họ Từ* và *Phụ lục sự tích* dài tới 464 câu⁽⁷⁾; và cuối cùng là những lời truyền tụng được hiểu như là những mảnh vỡ huyền tích, huyền thoại được thêu dệt, phóng đại qua lăng kính tưởng tượng dân gian mà khó khăn lắm mới có thể gạn được đôi nét bóng dáng sự thật⁽⁸⁾...

Từ Đạo Hạnh là người có công hoàng dương, hưng khởi, phát triển Phật giáo Xứ Đoài, vùng Chùa Thầy - Núi Thầy - Phật Tích - Thạch Thất - Ninh Sơn (nay thuộc xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, ngoại thành Hà Nội). Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi lại huyền sử lễ hội Phật Tích Xứ Đoài gắn với nơi quy tịch của tổ Từ Đạo Hạnh:

“Bính Thìn, [Hội Trường Đại Khánh] năm thứ 7 [1116], (Tổng Chính Hòa năm thứ 6). Mùa hạ, nhà sư Từ Đạo Hạnh trút xác ở chùa núi Thạch Thất (Thạch Thất là tên huyện, tức là huyện Ninh Sơn ngày nay, tên núi là Phật Tích. Từ Đạo Hạnh đến chơi núi ấy, thấy tảng đá trong hang núi có vết chân người, lấy chân ướm vào vừa đúng; tục truyền đó là chỗ Đạo Hạnh trút xác). Trước kia phu nhân của Sùng Hiền Hầu là Đỗ Thị

đã có mang, đến đây trở dạ mãi không đẻ. Hầu nhớ lại lời Đạo Hạnh dặn khi trước, sai người chạy ngựa đi báo. Đạo Hạnh lập tức thay áo tắm rửa, vào hang núi trút xác mà qua đời. Sau đó phu nhân sinh con trai, tức Dương Hoán. Người làng cho là việc lạ, để xác Đạo Hạnh vào trong khám để thờ. Nay núi Phật Tích tức là chỗ ấy. Hằng năm, mùa xuân, cứ đến ngày mồng 7 tháng 3, con trai, con gái hội họp ở chùa, là hội vui có tiếng một vùng. Người đời sau ngoa truyền là ngày giỗ của sư (xác Đạo Hạnh đến khoảng năm Vĩnh Lạc nhà Minh, bị người Minh đốt cháy, người làng ấy lại đắp tượng để thờ như cũ, hiện nay hãy còn)”⁽⁹⁾...

Cả hai bộ sách cổ *Thiên Uyển tập anh* và *Đại Việt sử ký toàn thư* đều xác định quê sinh của Từ Đạo Hạnh ở hương Yên Lãng (kinh thành Thăng Long), đến cuối đời mới trụ trì và quy tịch ở Chùa Thầy (Xứ Đoài). Như vậy là Từ Đạo Hạnh đã góp phần mở đường, chuyển tiếp và gắn kết đời sống tư tưởng Phật giáo trung tâm Thăng Long với Xứ Đoài. Theo sách *Thiên Uyển tập anh*, Từ Đạo Hạnh đã từng sang đến nước Kim Xỉ (Myanmar), từng chăm chỉ trì tụng kinh *Đại bi tâm Đà la ni*; từng được thần nhân Tứ Trấn thiên vương nhận làm đệ tử cho sư sai phái; từng được tham vấn, thỉnh giáo các bậc sư thầy Kiều Trí Huyền và Sùng

5. Thích Bảo Nghiêm. *Chùa Láng với sự tích Thiên sư Từ Đạo Hạnh*, Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, số 3-1991, tr. 60-62.

6. Thích Viên Thành. *Non nước Chùa Thầy*, Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, số 6 -1992, tr. 33-35.

7. Xem: Đỗ Thịnh. *Thêm tư liệu về Chùa Láng, Người Hà Nội*, số 31-1993, tr. 8.

- *Vua Lý Thần Tông xây dựng chùa Hoa Lãng*, Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, số 2 -1998, tr. 63-64.

8. Thích Thanh Điện. *Sự tích sư Đại Điền với chùa Duệ Tú*, *Nghiên cứu Phật học*, số 4 -1992, tr. 56.

9. *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngô Đức Thọ dịch, chú), tập 1, Nxb. KHXH, H., 1998, tr. 287.

Phạm (1004-1087); đồng thời lại có quan hệ khá thân tình với vua Lý Nhân Tông (1066-1127) và hoàng thúc Sùng Hiền Hầu qua mật thuyết sư thác thai thành vua Lý Thần Tông,... tất cả hợp lực tạo nên huyền tích kì bí về Sư tổ Từ Đạo Hạnh trên vùng đất Xứ Đoài thời Lý.

3. Xem xét riêng ở phạm vi Chùa Láng có thể thấy Thiên sư Từ Đạo Hạnh đã tạo nên một vùng quang phổ văn hóa rộng lớn. Trước hết, đó là sự hiện diện diễm di tích Chùa Láng gắn liền với tên tuổi nhà sư, một nơi còn để lại nhiều bia kí, một ngôi chùa qua nhiều lần trùng tu đến nay vẫn tồn tại cả quần thể kiến trúc tọa lạc giữa khoảng đất rộng, còn nhiều bóng cổ thụ, hài hòa với không gian và cảnh quan thiên nhiên.

Bên cạnh Chùa Láng được coi là trung tâm đã hình thành cả một tiểu vùng văn hóa Láng với nhiều đền miếu, chùa chiền, trải dọc bờ sông Tô Lịch. Đó là Chùa Nền, tương truyền chính là nền nhà của Từ Đạo Hạnh; chùa Hoa Lãng (xưa còn gọi Ba Lãng) là nơi thờ phụ mẫu vốn rất nổi tiếng: "Nam thiên tích tự hiện Ba Lãng, nhất phương thắng cảnh, thiên cổ danh lam" (Nơi trời Nam có chùa Ba Lãng, thắng cảnh một phương, danh lam ngàn đời). Điều đáng chú ý là chùa Hoa Lãng chính là nơi bà Tăng Thị Loan từng đến tu, dựng xây chùa và qua đời; sau được vua Lý Thần Tông xuất tiền tôn tạo, tạc tượng phối thờ quan Đô sát Từ Vinh (cha), bà Tăng Thị Loan (mẹ) và chính Từ Đạo Hạnh. Thực tế này càng chứng tỏ ngờ vực về mối quan hệ Từ Đạo Hạnh - Lý Thần Tông là có cơ sở.

Cách Chùa Láng khoảng vài ba cây số còn có chùa Duệ Tú (thuộc thôn Tiên, xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây; nay thuộc địa phận

phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội). Nơi đây thờ Thiên sư Đại Diên, người có tên tục là Lê Nghĩa, có cha là Lê Hưng, mẹ là Nguyễn Thị Phan. Trong sách *Thiên Uyển tập anh* và một số nguồn tư liệu khác cho rằng Từ Đạo Hạnh đối nghịch với Đại Diên và ông chính là hậu thân Điều Ngự Giác Hoàng, vậy mà ông lại được dân làng trọng vọng, được lập làm thành hoàng, được các triều đại phong kiến sắc phong và ban thêm mi tự Huệ Trí đại vương. Thêm nữa, cũng vào ngày 7 tháng 3 âm lịch hằng năm, dân làng vẫn mở hội chùa và dẫn lại sự tích Thiên sư. Như vậy, cái nhìn hiện thực cho thấy một hình ảnh sư Đại Diên pháp thuật tài ba, được tôn trọng, kính thờ, còn tư duy huyền thoại in đậm sắc màu Mật tông lại cho thấy một Pháp sư Đại Diên đối lập và chịu thất bại trước Thiên sư Từ Đạo Hạnh. Dẫu sao ông cũng là nhân vật lịch sử có quan hệ chặt chẽ với Từ Đạo Hạnh và góp phần tạo nên truyền thuyết trong cả một hệ thống văn hóa vật thể và phi vật thể dọc bờ sông Tô⁽¹⁰⁾...

Đặt trong tương quan chung của Phật giáo thời Lý vốn đặc biệt chú ý thể hiện quan niệm về bản thể với các dạng thức tồn tại như *pháp, pháp bản, pháp tính, thân, chân thân, sắc thân, phàm thân, tam thân, huyền thân, tự thể, ngã, thức, tâm, tâm thể, thân tâm...*, những bài thơ - kệ của Sư tổ Từ Đạo Hạnh cũng thường thiên về chiêm nghiệm bản chất của chân tâm, mối quan hệ hữu - không, kim - cổ. Ông từng hỏi sư thầy Kiều Trí Huyền về chân tâm qua một bài thơ - kệ:

Cửu hỗn phạm trần vị thức tâm (kim),

10. Nguyễn Hữu Sơn. *Thiên sư Từ Đạo Hạnh - từ Chùa Láng đến Chùa Thầy*, Tạp chí *Sông Hương*, số 10-2000, tr. 5-8.

Bất tri hà xứ thị chân tâm.
 Nguyện thù chỉ đích khai phương tiện,
 Liễu kiến như như đoạn khổ tâm.
 (Lẫn với bụi đời tự bấy lâu,
 Chân tâm vàng ngọc biết tìm đâu?
 Cúi xin rộng mở bày phương tiện,
 Thấy được Chân Như sạch khổ sầu)
 (Nguyễn Lang dịch)

Khi pháp lực và duyên thiên thuận
 thực, đúng lúc có vị tăng hỏi: “Đi đứng
 nằm ngồi đều là Phật tâm. Vậy thế nào là
 Phật tâm?” thì sư đã trả lời bằng một bài
 thơ - kệ:

Tác hữu trần sa hữu,
 Vi không nhất thiết không.
 Hữu không như thủy nguyệt,
 Vật trước hữu không không.
 (Có thì có tự may may,
 Không thì cả thế gian này cũng
 không.
 Vàng trắng vàng vạc in sông,
 Chắc chi có có không không mơ
 màng)
 (Huyền Quang dịch)
 Bản dịch khác thời hiện đại:
 (Có thì muốn sự có,
 Không thì tất cả không.
 Có, không trắng đáy nước,
 Đùng vương có không không)
 (Thanh Từ dịch)

Sư lại có thêm một bài thơ - kệ nữa:

Nhật nguyệt tại nham đầu,
 Nhân nhân tận thất châu.
 Phú nhân hữu câu tử,
 Bộ hành bất kị cầu.

(Nhật nguyệt tại non đầu,
 Người người mất ngọc châu.
 Kẻ giàu có ngựa tốt,
 Chẳng chịu dùng ngựa đầu)
 (Thanh Từ dịch)

Cho đến đoạn kết, Sư tổ chủ động đón
 nhận cái chết, chủ động đi vào cõi thọ
 chung và cảm nhận về ngày nhập cõi
 Niết Bàn, thoát vòng sinh diệt, đồng thời
 thể hiện rõ sự ứng giữa lời răn dạy đệ tử
 về việc “tạm giữ ngôi vua” với lời thơ
 “Thầy xưa mấy lượt hóa thầy nay”:

“Sư bèn tắm rửa, thay quần áo sạch sẽ
 rồi bảo đệ tử:

- Nghiệp duyên của ta chưa hết, còn
 phải thác sinh để tạm giữ ngôi vua. Ngày
 sau thọ chung sẽ được làm thiên tử ở cõi
 trời thứ ba mươi ba. Nếu thấy chân thân
 của ta hư nát thì lúc ấy ta mới thật nhập
 Niết Bàn, không còn phải trụ trong vòng
 sinh diệt nữa.

Các đệ tử nghe nói không cầm được
 nước mắt. Sư bèn đọc bài kệ rằng:

Thu lai bất báo nhận lai quy,
 Lãnh tiểu nhân gian tạm phát bi.
 Vị báo môn nhân hưu luyến trước,
 Cổ sư kị độ tác kim sư.
 Thu về chẳng báo nhận theo bay
 Cười nhạt người đời uổng xót vay
 Thôi hời môn đồ đừng quyến luyến
 Thầy xưa mấy lượt hóa thầy nay.

(Ngô Tất Tố dịch)”

Đương nhiên, sự biểu cảm các dạng
 thức tồn tại đó bao giờ cũng phải bộc lộ
 qua các mối liên hệ, quan hệ và quy chiếu
 khác như hữu - vô, sinh - tử, tu chứng và
 giải thoát, đời sống tâm linh và thế giới

tự nhiên, thiên nhiên. Nói một cách khác, cách quan niệm về bản thể vừa là cơ sở của nhận thức vừa là sự chiếu ứng, đối tượng và đích đến của con đường tu chứng và giải thoát.

4. Trên cơ sở tiểu truyện *Thiên sư Từ Đạo Hạnh* được ghi chép trong sách *Thiên Uyển tập anh*, chúng tôi tiến hành so sánh trước hết với các bộ sưu tập văn học dân gian được ghi lại bằng chữ Hán dưới thời phong kiến: *Việt Điện U Linh* và *Linh Nam chích quái*. Đi sâu tìm hiểu hai bộ sách này thấy có một hiện tượng đáng lưu ý: trong khi ở cả 9 dị bản *Linh Nam chích quái* đều chép truyện Từ Đạo Hạnh vào phần chính biên thì ở tất cả các bản có chép truyện trên trong *Việt Điện U Linh* đều chỉ xuất hiện trong phần *Tục biên, Tân san, Hiệu tập, Tân đính, Hiệu bình, Trùng bổ*... Điều này có nghĩa là nguyên bản gốc *Việt Điện U Linh* gồm 27 truyện đều không chép truyện Từ Đạo Hạnh và nó chỉ có thể do người đời sau chép nối thêm. Nhận xét về điều này, Đinh Gia Khánh viết: “Nhìn chung thì thấy, ngoài ba truyện *Đoàn Tướng Quân, Thanh Cẩm miếu* và *Hưng Đạo Đại vương* mà tất cả 5 bản đều chép, có thể khẳng định rằng cả truyện *Từ Đạo Hạnh* nữa cũng do Ngô Giáp Đậu (1853-?) biên soạn, vì trong bài bạt của ông có đoạn như sau: “Có người bảo: Các truyện về anh liệt chính khí mà bổ sung thêm vào thì đã đành rồi, đến như lại chép các truyện thần thông chân khí như truyện *Đạo Hạnh, Minh Không* mà phần lớn có tính chất hoang đường thì là cơ sao vậy?”, và ông khẳng định tiếp: “Truyện *Từ Đạo Hạnh* thì lại lấy từ *Linh Nam chích quái* của Vũ Quỳnh - Kiều Phú sang, mà *Linh Nam chích quái* thì lại dựa vào *Thiên Uyển tập anh*”⁽¹¹⁾. Song ước

đoán về con đường tiếp nhận, di chuyển cốt truyện có chính xác theo lược đồ trên, hay cả *Linh Nam chích quái* lẫn *Việt Điện U Linh* đều chép truyện Từ Đạo Hạnh theo văn bia, thần tích, lời truyền miệng dân gian nào đó? Trong tình hình văn bản hiện nay, vấn đề hầu như chưa có lời giải đáp triệt để, chuẩn xác.

So với tiểu truyện *Thiên sư Từ Đạo Hạnh* trong *Thiên Uyển tập anh*, truyện ở *Linh Nam chích quái* (bản chép đầy đủ nhất - A.33) mang tựa đề *Truyện Từ Đạo Hạnh và Nguyễn Minh Không* có một số điểm khác biệt như: Đoạn mở đầu có khác đôi chút, nói rõ bà mẹ tên là Loan - Sau đoạn giới thiệu về Giác Hoàng có thêm một câu nhấn mạnh “Đó chính là Đại Diên hóa sinh vậy” và bỏ đi bài thơ tứ tuyệt *Nhật nguyệt tại nham đầu* - Còn lại phần cốt truyện, kể cả thứ tự các bài thơ (kệ) cũng chính xác theo *Thiên Uyển tập anh* - Riêng phần cuối có lấp ghép thêm truyện về Nguyễn Minh Không.

Đến sách *Việt Điện U Linh*, ở cả 8 văn bản còn lại và so 27 truyện gốc đều không chép truyện Từ Đạo Hạnh ở phần chính biên. Truyện *Sự tích đại thánh Từ Đạo Hạnh* thuộc phần “phụ lục” có chép các chi tiết khác với sách *Thiên Uyển tập anh* là: Đoạn mở đầu ghi rõ mẹ tên là Loan, “nhà ở được kiêu đất quý”, “sinh ra được Từ Đạo Hạnh có khí cốt tiên Phật” - Chép rõ có cha là Từ Vinh sau khi chết được “dựng lăng, miếu và đắp tượng để thờ, hằng năm cứ đến ngày 10 tháng Giêng là ngày giỗ, tại đền có tế lễ”; bà mẹ chết được phối thờ làm thánh phụ và thánh mẫu - Đi Tây Thiên (tức Tây Trúc, Thiên Trúc, chỉ Ấn Độ) học thuật lạ cùng

11. Lý Tế Xuyên. *Việt Điện U Linh* (Trịnh Đình Dự dịch, Đinh Gia Khánh bổ sung, hiệu đính), Nxb. Văn học, H, 1972, tr. 13.

Minh Không và Giác Hải - Gặp cụ già đọc cho nghe một bài thơ kệ (tứ tuyệt) - Giác Hải, Minh Không về trước; Đạo Hạnh làm phép rút ngắn đất và hóa hình làm hổ dọa hai bạn - Lược bỏ chi tiết Đại Điền hóa sinh làm Giác Hoàng - Đạo Hạnh làm lễ “cầu tự” thác sinh làm con Sùng Hiền Hầu - Vua Thần Tông hóa hổ - Minh Không và Giác Hải mời quân lính ăn cơm “Thạch Sanh” - Chữa bệnh cho vua - Vấn đề “chân thân” Đạo Hạnh với giặc Minh và dưới thời Quang Thuận Lê Thánh Tông (1460-1469).

Như vậy, cả hai bộ sách lớn sưu tập thần tích và các truyện có tính cách dân gian dưới thời phong kiến đều có những biến thái rõ rệt so với bản gốc truyện *Từ Đạo Hạnh* được chép trong *Thiên Uyển tập anh*. Ở đây, mặc dù đã ý thức được về tính chất hoang đường của các truyện Đạo Hạnh - Minh Không, một nhà sưu tập Nho học buổi văn chiêu như Ngô Giáp Đậu đã đặt câu hỏi ngờ vực và tự trả lời: “Cố nhiên là quái đản rồi. Nhưng truyện vốn lưu truyền ở đời là như vậy đấy”. Lại thưa: “Chỉ là chép cái điều nghe thấy đấy thôi. Còn nếu như lấy lí mà xét, bỏ cái quái đản, giữ cái hợp lẽ thường thì là việc của người xem, chứ người chép có can dự gì vào đấy kia chứ”⁽¹²⁾... Tuy vậy, khi đi sâu phân tích văn bản vẫn thấy tư duy chép sử, quan niệm và cách thức chép sử kiểu nhà Nho còn để lại dấu ấn rõ nét. Điều này thể hiện khi tác giả thêm thắt những câu ngoại đề có ý nghĩa đánh giá, minh định sự kiện, “sử hóa” sự kiện, chẳng hạn việc chi tiết hóa tên mẹ Đạo Hạnh, việc thêm câu: “Đó chính là Đại Điền hóa sinh vậy”, việc chính sử hóa ngày mất của Đạo Hạnh: “Đó là ngày...”, hay việc nối thêm các chi tiết liên quan đến quân Minh và sự kiện được

coi là “xác thực” diễn ra dưới thời Quang Thuận Lê Thánh Tông, nghĩa là sau khi Đạo Hạnh qua đời gần bốn thế kỉ. Xét về kết cấu, ở bản gốc chỉ có truyện Từ Đạo Hạnh đứng độc lập với truyện Minh Không, nhưng đến *Linh Nam chích quái* đã có tên truyện thể hiện như là phép cộng của hai truyện vốn khác nhau: *Truyện Từ Đạo Hạnh và Nguyễn Minh Không*. Tính chất lắp ghép cơ giới thể hiện rõ ở phần truyện Từ Đạo Hạnh kết thúc rồi mới chuyển sang truyện về Nguyễn Minh Không. Điều này cho thấy rõ hơn vì sao có văn bản xếp thành hai truyện khác biệt nhau và ở bản khác lại gộp chung một cách khá tùy hứng. Do đó, cũng không phải là ngẫu nhiên khi *Việt Điện U Linh tập lục toàn biên* của Ngô Giáp Đậu lấy tên *Sự tích đại thánh Từ Đạo Hạnh* song bản thân câu chuyện lại bao gồm cả Minh Không. Hơn nữa, các nội dung này đã được chỉnh lí, thêm bớt và được chuyển hóa sâu sắc trong tư duy nghệ thuật. Về “sự bớt”, *Việt Điện U Linh* giản lược đoạn văn Đạo Hạnh luận bàn giáo lí nhà Phật với Thiên sư Sùng Phạm và các sư hữu, lại lược bỏ cả hai bài kệ - thơ *Tác hữu trần sa hữu* và *Nhật nguyệt xuất nham đầu* (ở đây xin chưa bàn đến sự dị biệt câu chữ ở các bài kệ còn lại). Về “sự thêm”, đã có hẳn một bài kệ của cụ già mà các vị sư gặp trên đường đi Tây Thiên thỉnh học *Đạo lí đương nhiên lộ cộng hành* và có thêm cả một đoạn kết. Nói riêng truyện ở *Việt Điện U Linh* có sự khắc phục, chuyển hóa dân tính lắp ghép cơ giới, bằng cơ là mối liên hệ Đạo Hạnh - Minh Không đã được xác định ngay từ khi cùng nhau sang Tây Thiên thỉnh học; sự kiện Lý Thần Tông hóa hổ

12. Lý Tế Xuyên. *Việt Điện U Linh* (Trịnh Đình Dự dịch, Đinh Gia Khánh bổ sung, hiệu đính), Sđd, tr. 37.

đã được “gài” trước bằng lời nguyện khi Đạo Hạnh hóa hình làm hổ dọa hai bạn. Đến đây hẳn đã có thể nói tới yếu tố Nho hóa (một cách cơ giới, hình thức luận đề, ngoại đề) đồng thời với quá trình “chín dần”, chuyển hóa rõ dần trong mạch truyện, trong lôgic cốt truyện Thiên sư Từ Đạo Hạnh theo quy luật và phương thức kể chuyện dân gian, được tập hợp và văn bản hóa trong *Việt Điện U Linh* và *Linh Nam chích quái*.

5. Trong phần tiếp theo chúng tôi khảo sát truyện *Từ Đạo Hạnh hay Sự tích Thánh Láng* đã được Nguyễn Đồng Chi chính thức xếp trong bộ *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, truyện số 120, mục *Truyện thần tiên, ma quỷ và phù phép*. Ở đoạn mở đầu phần *Khảo dị*, ông đã nói rõ truyện được biên soạn từ ba nguồn tài liệu chính là sách *Linh Nam chích quái*, *Nước non tuần báo* và theo lời kể của người Miền Bắc, đồng thời ông nêu rõ quan niệm biên soạn: “Truyện này đã được nhà chùa uốn nắn lại với dụng ý đề cao Phật giáo, lại cắt xén đi nhiều chỗ, như những đoạn về Từ Vinh, về Từ Đạo Hạnh làm phép đầu thai, v.v... Mặt khác, câu chuyện còn nhập cục với truyện sư Khổng Lô. Ở đây chúng tôi dựa vào lời kể của nhân dân, khôi phục lại các đoạn bị cắt, tách riêng truyện *Khổng Lô đúc chuông* (số 67) ra, vì nhận thấy nó có một kết cấu độc lập. Nhưng chúng tôi vẫn không làm sai nguyên ý của truyện thường kể⁽¹³⁾...”

Truyện cổ tích *Từ Đạo Hạnh hay Sự tích Thánh Láng* mặc dù vẫn theo sát cốt truyện trong *Thiên Uyển tập anh*, và đặc biệt trong *Linh Nam chích quái*, song đã lược bỏ đến tối đa phong cách chép sử, chối bỏ tất cả các con số, sự kiện liên quan đến ngày tháng, niên hiệu, các bài

thơ - kệ vốn hàm chứa yếu tố xác thực, chính xác hóa. Ngược lại, phong cách kể chuyện dân gian được gia tăng bởi tính chất phiếm chỉ của địa danh, thời gian xảy ra sự kiện, đặc biệt danh xưng ngôi vị các nhân vật cũng trở nên ít xác thực và phiếm chỉ hơn. Riêng vấn đề thay đổi danh xưng rất đáng được xem xét kỹ hơn. Trước hết, các đại từ chỉ nhân vật không nhằm xác nhận “con người này”, “nhân vật này” nữa mà đã chuyển hóa theo phương thức bày tỏ thái độ “ở hiền gặp lành”, “thiện thắng ác”, nghĩa là phân đôi tuyến nhân vật thiện - ác, chính - tà, thắng - bại; nghĩa là kiểu nhân vật tốt đẹp sẽ được cấp cho cách gọi đẹp, loại nhân vật xấu được cấp cho cách gọi xấu. Ở đây tên Từ Vinh dâm dăng thường bị gọi là “hắn”: *hắn* còn biết cả phép biến hình, *hắn* đi khắp mọi vùng, *hắn* lại lén lút tìm gái ở kinh kì, và rồi phải biến hình làm con gián...; sư Đại Diên vì đã dùng pháp thuật giết Từ Vinh nên thường được gọi chính tên hoặc có khi gọi là “hắn”: *hắn* không thể nào đương nổi, *hắn* ngã vật chết ngay. Còn Từ Đạo Hạnh thường được gọi tên hoặc trân trọng gọi là “chàng”: *chàng* mới hai mươi lăm tuổi, *chàng* hốt hoảng đi tìm cha, *chàng* đuổi theo kẻ thù, *chàng* bước lần đến ngã ba sông... Nhân vật Nguyễn Minh Không cũng luôn được gọi chính tên hoặc được gọi là “chàng”: *chàng* đã dùng pháp thuật của mình giúp đỡ mọi người, *chàng* bảo mọi người làng, *chàng* đọc xong, *chàng* không nói gì cả, v.v... Chung quy, cách chuyển hóa danh xưng đã là tín hiệu cho thấy một phần không khí, sắc thái biểu cảm dân chủ hóa của tư

13. Nguyễn Đồng Chi. *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, tập 3, In lần thứ bảy, Viện Văn học xuất bản, H., 1993, tr. 1292-1293.

duy dân gian và thể hiện hết sức rõ nét qua truyện cổ tích *Từ Đạo Hạnh hay Sự tích Thánh Láng*.

Trong thực chất, việc lí giải con đường dân gian hóa, Phật thoại hóa, “cổ tích hóa” tiểu truyện *Thiên sư Từ Đạo Hạnh* đương nhiên không thể bỏ qua mối liên hệ với đặc trưng tư duy dân gian, vai trò của trí tưởng tượng “nhân cách hóa vũ trụ và vũ trụ hóa con người”. Về điều này, một mặt, bản thân nhân vật thực “ngoài đời” đã hàm chứa nét hư ảo, thần bí: “... Thiên sư Đạo Hạnh sau này rất nổi tiếng về phù chú Mật giáo... Về pháp thuật, ta không thể không nói đến Thiên sư Đạo Hạnh. Hiện giờ tại Bắc Việt có hai nơi còn thờ Thiên sư Đạo Hạnh: Chùa Láng và Sài Sơn. Vài ba năm hội Chùa Láng lại được tổ chức một lần, dân làng diễn tả lại sự tích Thiên sư Đạo Hạnh”⁽¹⁴⁾. Đây chính là mảnh đất màu mỡ cho trí tưởng tượng dân gian phát triển, cho sự tích được thêm dật, thăng hoa, lan truyền rộng rãi. Mặt khác, các yếu tố “siêu thực”, linh dị huyền hoặc, chi tiết tạo ấn tượng “vừa lạ hóa vừa ảo hóa” không chỉ đúng ở một trường hợp Đạo Hạnh mà nằm trong quy luật rộng lớn hơn của loại hình tiểu truyện các thiên sư và cốt lõi tâm thức sinh - nghiệp - quả⁽¹⁵⁾. Do đó, từ một cốt truyện tiểu sử có tính bất biến, truyện cổ tích *Từ Đạo Hạnh hay Sự tích Thánh Láng* đã vừa loại trừ các chi tiết “hiện thực lịch sử” không phù hợp vừa thu nạp, trảm tích thêm các yếu tố hoang đường, các phương diện khả biến: Từ Vinh có phép tàng hình, có thể biến thành người khác, vật khác, biến thành Diên Thành Hầu hoặc con gái; Đạo Hạnh có phép hô thần tróc quỷ, biến hình thành hổ; Đại Diên thác sinh làm Giác Hoàng; Đạo Hạnh hóa sinh làm con Sùng Hiền Hầu; Minh Không có thuật nấu

nồi cơm mầu nhiệm, có phép rút đất và quấy tay trong vạc dầu sôi chữa bệnh hóa hổ cho vua, v.v...

Những điều đã trình bày trên là tập hợp những đặc điểm căn cốt cho thấy con đường di chuyển cốt truyện, khả năng tích tụ, thăng hoa các yếu tố khả biến (trí tưởng tượng, tính linh dị huyền hoặc, hoang đường ở các nhân vật, sự kiện, chi tiết, môtip, v.v...) từ tiểu truyện *Thiên sư Từ Đạo Hạnh* đến nghệ thuật truyện cổ tích và được Nguyễn Đồng Chi xác định: “Truyện *Từ Đạo Hạnh hay Sự tích Thánh Láng* là bằng chứng cho thấy tác giả truyện cổ tích lúc này không chỉ giấu tượng tượng mà còn sành về thủ pháp biểu hiện”⁽¹⁶⁾.

Lời kết

Đặt trong bối cảnh Phật giáo triều Lý Xứ Đoài có thể xác định vị trí, vai trò Từ Đạo Hạnh trên ba phương diện cơ bản: góp công hoàng dương, phát triển Chùa Thầy - Phật Tích; lưu dấu những bài thơ - kệ in đậm quan niệm về bản thể con người trong cõi hư vô; và cuối cùng, tạo lập hệ thống truyền thuyết, truyện cổ tích và lễ hội in đậm sắc thái truyền thống văn hóa tâm linh dân tộc. Về cơ bản, có thể khẳng định công tích của Từ Đạo Hạnh không chỉ qua những đóng góp cụ thể với Phật giáo triều Lý và Xứ Đoài, mà cao hơn, còn chính ở năng lực tỏa sáng, trở thành biểu tượng huyền thoại trong tâm thức muôn đời chúng sinh./

14. Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 1, Lá Bối xuất bản, Sài Gòn, 1973. In lần thứ tư, Nxb. Văn học, H., 1994, tr. 142-147.

15. Khantipālo. *Tim hiểu đạo Phật* (Chơn Thiện dịch), Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam xuất bản, TP. Hồ Chí Minh, 1990, tr. 48-64.

16. Nguyễn Đồng Chi. *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, tập 1. In lần thứ bảy. Viện Văn học xuất bản, H., 1993, tr. 119.